TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:78/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 14 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 96/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh Bùi Huy C - sinh năm 1988

Địa chỉ: Phố ..., thị trấn C, huyện B, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Hà Thị T; sinh năm 1989

Địa chỉ: Phố ..., thị trấn C, huyện B, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2022

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Bùi Huy C và Chị Hà Thị T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Bùi Huy C và Chị Hà Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con, hai bên thỏa thuận: Ly hôn chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Huy T, sinh ngày 21/7/2020 cho đến tuổi thành niên. Anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Hà T, sinh ngày 11/9/2017 cho đến tuổi thành niên. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị T, anh C có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147-BLTTDS năm 2015, khoản 6 Điều 19; Điểm a, khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự thỏa thuận anh C chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) anh được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm anh đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số: AA/2021/0008598 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Anh C được trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Nga